TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C R** **THÀNH PHỐ C T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2022/QĐST-DS	*C R, ngày 01 tháng 06 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 189/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

1. Ông **Lê T G**, sinh năm 1976.

2. Bà **Lương T B Đ**, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: 156/63A Hoàng Văn Thụ, phường A H (Nay phường T A), quận N K, thành phố C T.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:

1. Ông **Hồ T D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 12B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T A, quận N K, thành phố C T.

2. Ông **Nguyễn Thành Đạt**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp Mỹ Khánh 2, xã M H, thị xã B M, tỉnh V L.

* Bị đơn:

1. Bà **Hứa T C** , sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp 2, khu vực Xẻo Mu, xã L T, thị xã L M, tỉnh H G.

2. Bà **Nguyễn T N**, sinh năm 1984.

3. Cháu **Nguyễn T R Đ**, sinh năm 2012.

4. Cháu **Nguyễn Đ L**, sinh năm 2014.

(Cháu L và cháu Đ có người giám hộ bà Nguyễn T N**)**

Cùng địa chỉ: 19 tổ 4 khu vực Thạnh Mỹ, phường L B, quận C R, thành phố C T.

Bà Nhiên ủy quyền cho: Ông **Phạm Q N**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: B24 đường A7, khu vực Thạnh Thuận, phường P T, quận C R, thành phố C T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhiên: Bà **Nguyễn T H** – Luật sư Công ty Luật TNHH Tín Nguyễn.

Địa chỉ: B24 đường A7, khu vực Thạnh Thuận, phường P T, quận C R, thành phố C T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Văn Phòng công chứng T V T** .

Địa chỉ: 71 Cách Mạng Tháng Tám, phường A T, quận B T, thành phố C T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần A M**.

Địa chỉ: Số 15/13 Hoàng Văn Thụ, phường T A, quận N K, thành phố C T.

2. **Ngân hàng T M C P N T V N**. (Có đơn yêu cầu độc lập)

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Q D**. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, phường L T T, quận H K, thành phố H N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần L G**.

Ông Trần L G ủy quyền lại cho: Bà **Đặng M L**.

Địa chỉ: 420 – 420A đường 30/4, phường H L, quận N K, thành phố C T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Lê T G, bà Lương T B Đ; bị đơn bà Nguyễn T N cùng những người thừa kế của ông Nguyễn H K gồm bà Nguyễn T N, bà Hứa T C , cháu Nguyễn T R Đ, cháu Nguyễn Đ L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T V T thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/10/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng T V T theo số công chứng 4500, quyển số 02/2019/TP/CC-SCC.HĐGD. Nguyên đơn ông Lê T G, bà Lương T B Đ đồng ý trả nợ thay cho bị đơn bà Nguyễn T N cùng những người thừa kế của ông Nguyễn H K gồm bà Nguyễn T N, Hứa T C , Nguyễn T R Đ, Nguyễn Đ L đối với số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn bà Nguyễn T N cùng những người thừa kế của ông Nguyễn H K gồm bà Nguyễn T N, Hứa T C, Nguyễn T R Đ, Nguyễn Đ L còn nợ với số tiền

2.078.851.673 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng) cho Ngân hàng T M C P N T V N tạm tính đến ngày 23/05/2022 theo Hợp đồng cho vay số 756/HĐCV/PGDHL.19 ngày 10/10/2019, Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 790/HĐCV/PGDHL.20 ngày 04/12/2020, 02 đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 10/10/2019.

Ngân hàng T M C P N T V N thống nhất cho ông Lê T G, bà Lương T B Đ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi với số tiền 2.078.851.673 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm năm mươi mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 1.983.660.138 đồng (Một tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, một trăm ba mươi tám đồng) và tổng nợ lãi 95.191.535 đồng (Chín mươi lăm triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng) tạm tính đến ngày 23/05/2022 theo Hợp đồng cho vay số 756/HĐCV ngày 10/10/2019, Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 756/HĐCV ngày 04/12/2020 và 02 đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 10/10/2019. Ngân hàng T M C P N T V N có quyền tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng cho vay số 756/HĐCV/PGDHL.19 ngày 10/10/2019, Hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 790/HĐCV/PGDHL.20 ngày 04/12/2020, 02 đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng ngày 10/10/2019 mà các bên đã ký từ ngày 24/05/2022 cho đến khi ông Lê T G, bà Lương T B Đ thanh toán dứt nợ.

Thời gian và cách thức trả: Các bên thống nhất giải quyết tại cơ quan thi hành án.

Nếu ông Lê T G, bà Lương T B Đ không có khả năng thanh toán trong thời gian tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng T M C P N T V N có quyền đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 233; tờ bản đồ số 60; diện tích 92,50m^2; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài tọa lạc tại đường Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận N K, thành phố C T do bà Lý T H đứng tên, vào ngày 09/12/2016 chỉnh lý chuyển nhượng sang tên cho ông Lê T G và ngày 14/11/2019 chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Nguyễn H K đứng tên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 270/HĐTC/PGDHL.19 ngày 04/12/2020 giữa ngân hàng và ông Nguyễn H K , bà Nguyễn T N đã ký.

Sau khi nguyên đơn ông Lê T G, bà Lương T B Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng xong thì nguyên đơn ông Lê T G, bà Lương T B Đ được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích 92,50m^2; Hiện trạng: Đất ở

tại đô thị; tờ bản đồ số 60; thửa số 233; tọa lạc tại phường Cái Khế, quận N K, thành phố C T (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 49/TTKTTNMT ngày 29/04/2022 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố C T). Trên phần đất có công trình phụ là nhà xe khung tiền chế, khung thép hợp tole, không vách, diện tích xây dựng 92,5m^2 và nền gạch sân kết cấu bê tông tự chèn, diện tích xây dựng 92,5m^2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/03/2022.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nguyên đơn đồng ý chịu và nguyên đơn đã thực hiện xong.

Về án phí: Các bị đơn tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm, phía bà Hứa T C có đơn miễn giảm án phí là người cao tuổi phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn T N cùng những người thừa kế của ông Nguyễn H K còn lại gồm bà Nguyễn T N, Nguyễn T R Đ, Nguyễn Đ L phải chịu án phí với số tiền 27.891.375 đồng (Hai mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn T N đã nộp theo các biên lai thu số 0008256 ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C R, thành phố C T thì bà Nguyễn T N cùng những người thừa kế của ông Nguyễn H K còn lại gồm bà Nguyễn T N, Nguyễn T R Đ, Nguyễn Đ L phải tiếp tục đóng tiền án phí với số tiền 27.591.375 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng). Nguyên đơn ông Lê T G, bà Lương T B Đ được nhận lại 23.666.000 đồng (Hai mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008137 ngày 15/12/2021 tại Chi cục thi hành dân sự quận C R, thành phố C T. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng T M C P N T V N có đơn yêu cầu độc lập được nhận lại 35.944.500 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008168 ngày 31/12/2021 tại Chi cục thi hành dân sự quận C R, thành phố C T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:
+ Đương sự;
+ VKSND Q. C R,
TP. C T;
+ Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ HỒNG GẤM